TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Triều

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số B đường số C, khu phố B, phường A (trước đây là phường B), thành phố T (trước đây là Quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1975.

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: số I S, L, N6H5G8, O, Canada.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Năm 1999, ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện kết hôn và đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151, Quyển số 01 ngày 01/11/1999 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, sau đó không lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai có sự khác biệt về quan điểm sống, lâu dần những chuyện nhỏ ngày càng nhiều và trở thành trầm trọng làm cho cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nỗ lực hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2018, bà H1 sang Canada định cư cùng với con trai, vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Ông H cho rằng không thể tiếp tục đời sống vợ chồng với bà H1 nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Cả hai có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Anh D, giới tính N, sinh năm 2002 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai đề ngày 01/3/2023, bị đơn – bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn và đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151, Quyển số 0I ngày 01/11/1999 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có với nhau 01 con chung, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nhưng cả hai vẫn cố gắng sống chung để nuôi con đến khi trưởng thành; năm 2018, bà H1 sang Canada định cư cùng với con trai, vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Bà H1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Cả hai có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Anh D, giới tính N, sinh năm 2002 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có nơi cư trú tại Canada nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn – ông Nguyễn Xuân H và bị đơn – bà Nguyễn Thị H1 đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên

tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 151, Quyển số 0I ngày 01/11/1999 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - ông Nguyễn Xuân H và bị đơn - bà Nguyễn Thị H1 thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó không lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả; đến năm 2018 thì bà H1 đi cùng con trai sang Canada sinh sống và làm việc, không trở lại Việt Nam, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện ông H và bà H1 mỗi người đang sinh sống và làm việc ở hai đất nước khác nhau nên khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả ông H và bà H1 đều đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng, X thấy cuộc sống chung giữa ông H và bà H1 không thể kéo dài, việc ly hôn là cần thiết, là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông H và bà H1 có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Anh D, giới tính N, sinh năm 2002 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà H1 khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn – ông Nguyễn Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Nguyễn Xuân H.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Anh D, giới tính N, sinh năm 2002 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0003979 ngày 16/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THA dân sự Tp.HCM;
-UBND Phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan

HNST2023TATP-58
1 000113 908216
15.02.2023 11:11
Nguyễn Xuân Hải